

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**NGÂN HÀNG TMCP
KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**

Số: 2008-03/2021/TKKH-TCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: TCB
 - Địa chỉ trụ sở chính: Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 (0243) 944 6368
 - Fax: +84 (0243) 944 6362
 - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Thái Hà Linh
Chức vụ: Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 02/04/2021, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố

..tài..liệu..hợp..Đại..hội..đồng..cổ..đồng..2021.....

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 02/04/2021
tại đường dẫn: <https://www.techcombank.com.vn/nha-dau-tu>

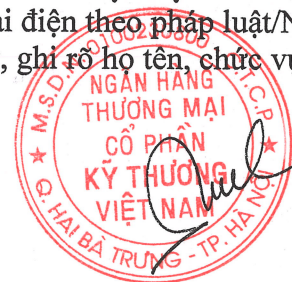
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm/

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN
CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
THÁI HÀ LINH**

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

BẢNG KIỂM SOÁT

| | |
|----------------------|--|
| BIÊN SOẠN | |
| ĐƠN VỊ BIÊN SOẠN | |
| KIỂM TOÁN NỘI BỘ | |
|/ /2021 | |
| | |
| Đặng Văn Khải | |

| | |
|------------------------------|--|
| KIỂM SOÁT | |
| KHÔI QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG | |
| / /2021 | |
| | |
| Nguyễn Thị Phong Thủy | |

| | |
|------------------------|--|
| PHÊ DUYỆT | |
| T/M BAN KIỂM SOÁT | |
| .../.../2021 | |
| | |
| Hoàng Huy Trung | |

LỊCH SỬ THAY ĐỔI VĂN BẢN

| Lần ban hành | Ngày | Sửa đổi điều khoản/mục | Nội dung (ghi tên điều mục) | Trang số | Lý do sửa đổi (Văn tắt) |
|--------------|-------------|----------------------------|--|----------|---|
| 01 | 6/12/2010 | | Ban hành mới | | |
| 02 | 27/5/2014 | Bổ sung Điều 2 | Giải thích từ ngữ và viết tắt | 2 | Phù hợp theo quy định ban hành văn bản |
| | | Khoản 4 điều 2 | Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát | 2 | Thay đổi tên gọi theo cơ cấu tổ chức |
| | | Khoản 3 điều 3 | Nhiệm vụ và Quyền hạn của BKS | 3 | Thay đổi tên gọi theo cơ cấu tổ chức |
| 03 | 23/03/2018 | Bổ sung Điều 4 | Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát | 4 | Phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2017 |
| | | Sửa đổi Điều 17 | Thù lao, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát | 11 | |
| 04 | 26/4/2019 | Sửa đổi khoản 3.4 điều 3 | Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát | 5 | Phù hợp với Điều lệ TCB sửa đổi và quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi |
| | | Bổ sung Khoản 11 Điều 4 | Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát | 6 | Phù hợp với Điều lệ TCB sửa đổi |
| | | Bỏ Khoản 5.11 Điều 5 | Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát | 7 | Phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ TCB sửa đổi |
| | | Sửa đổi Khoản 9.1 Điều 9 | Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ | 10 | Bỏ một số nội dung và sửa đổi để dễ hiểu hơn |
| | | Sửa đổi Khoản 13.3 Điều 13 | Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát | 13 | Phù hợp với thực tế |
| 05 | .../02/2021 | Sửa lại Điều 1 | Phạm vi đối tượng | | Cho ngắn gọn, phù hợp quy định và thực tế |

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

| | | | | | |
|--|--|---|---|--|--|
| | | Bổ sung, sửa đổi Điều 4 | Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát | | Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị Định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| | | Bổ sung Điều 10 | Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban kiểm soát | | Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị Định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC |
| | | Sửa đổi, điều chỉnh lại các Điều từ 12-19 về cuộc họp BKS | Điều chỉnh, bổ sung các quy định về Cuộc họp của BKS và Lấy ý kiến bằng văn bản | | Phù hợp với Luật DN, theo Điều lệ sửa đổi và phù hợp với thực tế vận hành các cuộc họp BKS |
| | | Bổ sung Chương VI Mối quan hệ của BKS (từ Điều 20-22 | Bổ sung quy định về các mối quan hệ của BKS | | Bổ sung theo Quy chế mẫu theo TT116 |
| | | Sửa Điều 23 về Thù lao, tiền lương, thưởng | Bổ sung "...thường..." | | Bổ sung theo quy định Luật DN |
| | | Bổ sung điều 24 | Bổ sung quy định về Công Khai lợi ích các bên liên quan của BKS | | Bổ sung theo Quy chế mẫu theo TT116 |

QUY CHẾ SỐ /2021/QC NGÀY / /2021
(Về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam)

CHƯƠNG I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Điều lệ Techcombank và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống Techcombank (bao gồm: Techcombank và các Công ty con của Techcombank).

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt:

- 2.1. Techcombank:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- 2.2. HĐQT:** Hội đồng quản trị của Techcombank
- 2.3. BKS:** Ban kiểm soát của Techcombank
- 2.4. Hệ thống Techcombank:** Gồm Techcombank và các Công ty con của Techcombank.

Điều 3. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

- 3.1.** Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của hệ thống Techcombank tại thời điểm báo cáo.
- 3.2.** Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 3.3.** Ban Kiểm soát của Techcombank có số thành viên tối thiểu 03 thành viên và tối đa là 05 thành viên, trong đó: có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách và không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại

Techcombank hoặc doanh nghiệp khác; có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

- 3.4. Ban kiểm soát có bộ phận Kiểm toán nội bộ và bộ phận tư vấn, tham mưu, giúp việc trực thuộc Ban kiểm soát, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
- 3.5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 3.6. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật, Điều lệ Techcombank thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Techcombank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

- 4.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- 4.2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hằng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
- 4.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
- 4.4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- 4.5. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 4.6.** Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Điều lệ ngân hàng. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng;
- 4.7.** Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý ngân hàng theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- 4.8.** Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
- 4.9.** Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ ngân hàng.
- 4.10.** Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Quy chế này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.
- 4.11.** Có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng ứng viên được đề cử, ứng cử thấp hơn số lượng thành viên cần được bầu vào Ban kiểm soát và/hoặc xét thấy ứng viên được đề cử, ứng cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ Techcombank và quy định nội bộ có liên quan của Techcombank.
- 4.12.** Rà soát hợp đồng, giao dịch của Techcombank với công ty con công ty liên kết của Techcombank; các hợp đồng của Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ thuộc thẩm quyền

phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- 4.13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Techcombank;
- 4.14. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

- 5.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này.
- 5.2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
- 5.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
- 5.4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Quy chế này.
- 5.5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định tại Quy chế của ngân hàng.
- 5.6. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
- 5.7. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
- 5.8. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
- 5.9. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- 5.10. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- 5.11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Ban kiểm soát

Mã hiệu: MB04-QT.CL/02

Lần ban hành/sửa đổi: 05/00

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Techcombank. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Techcombank

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- 6.1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng và Quy định tại Quy chế này một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của ngân hàng và cổ đông.
- 6.2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- 6.3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
- 6.4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.
- 6.5. Được quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng, yêu cầu cán bộ, nhân viên của ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 6.6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
- 6.7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên Ban kiểm soát.
- 6.8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.

Điều 7. Nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát

- 7.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 7.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của ngân hàng.
- 7.3. Trung thành với lợi ích của ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của ngân hàng.
- 7.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà Thành viên Ban kiểm soát có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
- 7.5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ngân hàng.

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- 7.6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của ngân hàng.
- 7.7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ.
- 7.8. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ ngân hàng quy định.

CHƯƠNG IV

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÁI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là Thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank:

- 8.1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 8.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- 8.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- 8.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
- 8.5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp nhà nước tại Techcombank;
- 8.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại Techcombank;
- 8.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- 8.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- 8.9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là

đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

- 8.10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
- 8.11. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng;
- 8.12. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Điều 9. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Ban kiểm soát của Techcombank không cùng đảm nhiệm chức vụ như sau:

- 9.1. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Techcombank hoặc công ty con của Techcombank, nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Techcombank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
- 9.2. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại ngân hàng;
- 9.3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
- 9.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát

- 10.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 8 Quy chế này;
- 10.2. Có đạo đức nghề nghiệp;
- 10.3. Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- 10.4. Không phải là người có liên quan, người có quan hệ gia đình của người quản lý ngân hàng;

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- 10.5. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Techcombank trong 03 năm liền trước đó.
- 10.6. Không được là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Techcombank;
- 10.7. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 10.8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**11.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:**

- a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
- b. Vi phạm quy định tại Điều 8 quy chế này;
- c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
- d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f. Khi ngân hàng bị thu hồi giấy phép;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

11.2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

- a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b. Có đơn xin từ chức gửi HĐQT, Ban kiểm soát của Techcombank;
- c. Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;
- h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

- 11.3. HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

- 11.4.** Sau khi đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 11.5.** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều này, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG V

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 12. Quy định về họp và các hình thức họp của Ban kiểm soát

- 12.1.** BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất theo triệu tập của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền triệu tập.
- 12.2.** Cuộc họp BKS có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa tất cả hoặc một số thành viên BKS đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 12.2.1. Nghe thành viên BKS tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- 12.2.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
- 12.2.3. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.
- 12.2.4. Thành viên BKS tham gia cuộc họp như trên được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên BKS đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- 12.2.5. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sự tham dự thông qua phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định lại bằng các chữ ký trong biên bản hoặc ý kiến đồng ý với Biên bản gửi qua email hoặc bản giấy của tất cả thành viên BKS tham dự cuộc họp này.
- 12.3.** Địa điểm họp: BKS có thể họp tại trụ sở chính hoặc ở các nơi khác

Điều 13. Quy định về cuộc họp đầu tiên của Ban kiểm soát

Cuộc họp đầu tiên của BKS được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó và do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số cử một người trong số họ triệu tập họp BKS. Cuộc họp đầu tiên sẽ bầu ra Trưởng BKS và ra các quyết định khác của BKS (nếu có).

Điều 14. Quy định về cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát

14.1. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- c. Trưởng Ban kiểm soát;
- d. Từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
- e. Tổng giám đốc;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

14.2. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 14.1 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban Kiểm soát, các thành viên dự họp bỏ phiếu kín bầu chủ tọa cuộc họp.

Điều 15. Quy định về điều kiện tiến hành họp của Ban kiểm soát

15.1. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành được coi là hợp lệ khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên tham dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên BKS dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên BKS có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên BKS khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được

chuyển đến chủ tọa cuộc họp BKS chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên BKS trực tiếp dự họp.

- 15.2. Thành viên BKS được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên BKST dự họp nếu được đa số thành viên BKS chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

Điều 16. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát

- 16.1. Trừ trường hợp họp đột xuất/bất thường, đối với cuộc họp định kỳ hàng quý Trường Ban Kiểm soát hoặc người triệu tập họp Ban Kiểm soát gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (đối với thành viên không tham dự họp và có văn bản ủy quyền).
- 16.2. Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ Công ty quy định, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ của từng thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Techcombank.
- 16.3. Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ, nhân viên khác có thể được mời dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát:

- 17.1. Các cuộc họp của BKS phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 17.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 17.1.2. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- 17.1.3. Thời gian, địa điểm họp;
- 17.1.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; họ tên thư ký/người ghi biên bản và thành phần khác được mời tham dự họp.
- 17.1.5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- 17.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp.

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- 17.1.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 17.1.8. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- 17.1.9. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp (trừ trường hợp thành viên BKS có ý kiến qua email hoặc bằng phiếu biểu quyết/văn bản độc lập) và người ghi biên bản.
- 17.2. Biên bản cuộc họp BKS phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài (bằng tiếng Anh) và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
- 17.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp BKS. Chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày họp BKS, Thư ký/Người ghi biên bản có trách nhiệm gửi biên bản họp cho tất cả các thành viên tham dự.
- 17.4. Biên bản họp BKS và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Techcombank.
- 17.5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của BKS tham dự họp (chiếm tỷ lệ đa số trong BKS) ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản từ 17.1.1 đến 17.1.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 18. Quyết định thông qua tại cuộc họp của Ban kiểm soát

Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa.

Điều 19. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban kiểm soát

- 19.1. Trưởng Ban kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát bằng văn bản.
- 19.2. Trưởng BKS hoặc Người được Trưởng BKS ủy quyền chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên BKS. Các thành viên BKS phải ký vào văn bản xin ý kiến gửi về Trưởng BKS/Người được Trưởng BKS ủy quyền theo đúng quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý kiến đó được coi như các thành viên không có ý kiến.
- 19.3. Việc lấy ý kiến các thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên song song với gửi bản cứng bằng phương thức bảo đảm. Căn cứ ý kiến của thành viên gửi qua thư điện tử có giá trị để Trưởng Ban Kiểm soát ra quyết định/nghị quyết. Ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
- 19.4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
- 19.4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Techcombank;
- 19.4.2. Mục đích lấy ý kiến;
- 19.4.3. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên BKS;
- 19.4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến;
- 19.4.5. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 19.4.6. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Techcombank;
- 19.4.7. Họ và tên, chữ ký của Trưởng BKS.
- 19.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên BKS và gửi về BKS.
- 19.6. Trưởng BKS hoặc Thành viên BKS được ủy quyền thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 19.6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ngân hàng;
- 19.6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- 19.6.3. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có danh sách thành viên BKS đã tham gia biểu quyết;
- 19.6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- 19.6.5. Họ, tên, chữ ký của Người kiểm phiếu, Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- 19.7. Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản, Người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 19.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản áp dụng theo nguyên tắc thông qua tại cuộc họp BKS như tại Điều 18 Quy chế này.
- 19.9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của BKS được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên BKS trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 19.10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ngân hàng.
- 19.11. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

- 20.1. Quan hệ giữa các thành viên BKS là quan hệ phối hợp, các thành viên BKS có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 20.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên BKS được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên BKS khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên BKS còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Trưởng BKS xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên BKS theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- 20.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên BKS thì các thành viên BKS phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Trưởng BKS về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác trong hệ thống ngân hàng trên cơ sở độc lập, phối hợp nhằm đảm bảo sự an toàn, phát triển bền vững của ngân hàng.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị

Quan hệ làm việc giữa BKS với HĐQT theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ ngân hàng nhằm đảm bảo sự an toàn, phát triển bền vững của ngân hàng.

**CHƯƠNG VI
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC****Điều 23. Thù lao, thưởng và chi phí hoạt động**

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được tính vào chi phí hoạt động của Techcombank theo quy định của pháp luật và Điều lệ Techcombank.

Ngân sách thù lao, thưởng và lợi ích khác của BKS do Đại hội đồng cổ đông quyết định hằng năm.

Chi phí hoạt động của BKS và bộ máy giúp việc BKS được tính vào chi phí hoạt động của Techcombank.

Việc phân bổ thù lao, thưởng và lợi ích khác của Trưởng BKS và các thành viên BKS được thực hiện theo quyết định của BKS và/hoặc quy định nội bộ do BKS ban hành.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

24.1. Thành viên BKS phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

24.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;

24.1.2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

- 24.2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 24.1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- 24.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 24.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 24.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 25. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý, điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Techcombank theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

- 26.1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày / /2021 và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát số 0012/2019/QC ban hành ngày 26/04/2019
- 26.2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/.../2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

QUẢN LÝ VĂN BẢN**Văn bản bị thay thế:**

| Tên | Số hiệu | Ngày ban hành | Thẩm quyền ban hành |
|--|--------------|---------------|---------------------|
| Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 0012/2019/QC | 2019 | BKS |

Tài liệu liên quan**TÀI LIỆU BÊN NGOÀI**

| Tên | Số hiệu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
|--|-----------------|---------------|--------------------|
| Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng | 17/2017/QH14 | 20/11/2017 | Quốc hội |
| Luật các Tổ chức tín dụng | 47/2010/QH12 | 16/6/2010 | Quốc hội |
| Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | 13/2018/TT-NHNN | 18/5/2018 | Ngân hàng nhà nước |
| Thông tư quy định về cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành | 40/2011/TT-NHNN | 15/12/2011 | Ngân hàng nhà nước |
| Thông tư về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | 50/2018/TT-NHNN | 31/12/2018 | Ngân hàng nhà nước |
| Luật Chứng khoán | 54/2019/QH14 | 26/11/2019 | Quốc hội |
| Luật Doanh nghiệp | 59/2020/QH14 | 17/6/2020 | Quốc hội |
| Nghị Định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán | 155/2020/NĐ-CP | 31/12/2020 | Chính Phủ |

Mã hiệu: QC-KS/01
05/00

Ngày hiệu lực:/.../2021

Lần ban hành:

| | | | |
|--|-----------------|------------|--------------|
| Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán | 116/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Bộ Tài Chính |
|--|-----------------|------------|--------------|

TÀI LIỆU NỘI BỘ

| Tên | Số hiệu | Ngày ban hành | Thẩm quyền ban hành |
|--|---------|---------------|---------------------|
| Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | | 2021 | ĐHĐCĐ |
| Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | | / /2021 | ĐHĐCĐ |